

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hương Nhị.
2. Ông Nguyễn Duy Tính.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tri- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao,
tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-
HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10A/2020/QĐXXST-HNGĐ
ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: số:
06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu 8, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1958. (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình
bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Lê Thị T kết hôn ngày 12/3/1993,
trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân
dân xã X, huyện P, tỉnh Vĩnh Phú (nay là xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ). Sau
khi kết hôn vợ chồng ông bà về sinh sống tại khu 8, xã X, huyện L, tỉnh Phú
Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 1
năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống
không hợp nhau. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ năm 1994 đến nay không

ai quan tâm đến ai. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T xác định ông và bà T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Ông Nguyễn Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T kết hôn với ông T vào tháng 3/1993, trước khi kết hôn vợ chồng có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, X huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng bà về ở nhờ nhà ông chú của ông T ở khu 8, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do ông T đánh đập và đuổi bà, khi bà đi chợ về thì khóa cửa đi đâu để bà ở ngoài cả đêm. Nguyên nhân việc ông T đánh và đuổi bà do đâu thì bà cũng không biết. Đến khoảng tháng 11/1994 bà T đã chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ ở Khu 4, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 11/1994 đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay bà thấy vẫn còn tình cảm với ông T nên bà đề nghị Tòa án cho bà được đoàn tụ với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị T xác định bà và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Về công nợ chung; Về công sức đóng góp: Bà Lê Thị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Lê Thị T. Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Lê Thị T.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T đều xác định vợ chồng không có con chung nên đều không đề nghị Tòa án xem, xét giải quyết. Do vậy, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không

vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì nên đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bà Lê Thị T, trú tại: Khu 4, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Thị T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ vào ngày 12/3/1993. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại tòa án, ông T và bà T đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 11/1994 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông T và bà T không ai quan tâm đến ai. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà T cho rằng do ông T đánh và đuổi bà ra khỏi nhà. Nhưng bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, tại biên bản xác minh ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L được ông Nguyễn Trung Dũng - Trưởng khu 8, xã H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, thì quan điểm của ông Dũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà T đã sống ly thân 1 thời gian dài không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T đều xác định vợ chồng không có con chung nên đều không đề nghị Tòa án xem, xét giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì

cho gia đình hai bên nên đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Lê Thị T. Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Lê Thị T.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T đều xác định vợ chồng không có con chung nên đều không đề nghị Tòa án xem, xét giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; Về công nợ; Về công sức đóng góp: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay và không có đóng góp công sức gì cho gia đình hai bên nên đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Việt Giang